TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – NLQ2 do – Hạnh phúc

Bản án số: 54/2018/DS-PT
Ngày 22 - 5 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1935 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đông H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

NLQ1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

NLQ2, sinh năm 1999 (vắng mặt)

NLQ3, sinh năm 1981 (vắng mặt)

NLQ4, sinh năm 1972 (vắng mặt)

NLQ5, sinh năm 1955

NLQ6, sinh năm 1960

NLQ7, sinh năm 1962

NLQ8, sinh năm 1973

NLQ9, sinh năm 1975

NLQ10, sinh năm 1982

NLQ11, sinh năm 1984

NLQ12, sinh năm 1977 (đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của NLQ12:

NLQ13, sinh năm 1976

NLQ14, sinh ngày 13/12/2005

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ14: NLQ13, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NLQ15, sinh năm 1970

NLQ16, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Đường C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ13, NLQ15, NLQ16: Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1935, địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 11 năm 2016 – vắng mặt).

NLQ17, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NLQ18. Địa chỉ: Ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của NLQ18: Ông Phan Thanh D - Chức vụ: Chủ tịch (Có đơn xin vắng mặt).

- *Kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ13, NLQ15, NLQ16 trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ chồng bà là ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị C cho lại vợ chồng bà (chồng bà là ông Võ Văn R chết vào năm 2011) vào trước năm 1975. Phần đất này vợ chồng bà đã được NLQ18 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997 tại thửa số 27, tờ bản đồ số 22, diện tích 1000m^2. Năm 2009 vợ chồng bà chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này cho vợ chồng NLQ3 và NLQ4 với giá 48.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay nhưng không đo đạc thực tế. Tại thời điểm chuyển nhượng xã L đang thành lập bản đồ chính quy nên vợ chồng bà chưa làm thủ tục sang tên phần đất này cho vợ chồng NLQ3, NLQ4 được. Nay vợ chồng NLQ3, NLQ4 yêu cầu bà làm thủ tục sang tên phần đất này, tuy nhiên qua kiểm tra thì bà phát hiện ông Nguyễn Đông H lấn chiếm sử dụng một phần thửa đất mà vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho NLQ3, NLQ4 khoảng 60m^2 (*qua đo đạc thực tế là 87,7m^2*). Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông

Nguyễn Đông H phải giao trả lại cho bà phần đất đã lấn chiếm qua đo đạc thực tế là 87,7m^2 để bà tách quyền sử dụng đất cho vợ chồng NLQ3, NLQ4 đúng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Đông H trình bày: Phần đất bà Đoàn Thị L khởi kiện yêu cầu ông giao trả diện tích khoảng 60m^2 *(qua đo đạc thực tế là 87,7m^2)* có nguồn gốc là của cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị S (Đặng Thị B) nhận chuyển nhượng lại của vợ chồng ông Lê Thanh H, bà Nguyễn Thị Út N vào năm 1993. Diện tích khi chuyển nhượng là 1.500m^2, khi nhận chuyển nhượng có làm giấy tay. Ông là con trai út trong gia đình sống chung với cha mẹ từ nhỏ đến khi cha mẹ mất (cha ông mất năm 2005 còn mẹ mất năm 2012). Trước khi cha mẹ ông mất thì cha mẹ đã cho lại ông toàn bộ phần đất nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H, bà N trước đây. Phần đất này hiện nay gia đình ông vẫn chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 và NLQ2: Trong quá trình giải quyết vụ án NLQ1 và NLQ2 không đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không cung cấp ý kiến nên Tòa án không xác định được ý kiến của NLQ1 và NLQ2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ3 và NLQ4 thống nhất trình bày: Vào năm 2009 vợ chồng bà có đứng ra thỏa thuận với vợ chồng ông Võ Văn R, bà Đoàn Thị L nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất số 27, tờ bản đồ số 22 của vợ chồng ông R, bà L tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện H với giá 48.000.000 đồng. Khi nhận chuyển nhượng thì hai bên có làm giấy tay, giấy tay chuyển nhượng đất này không được chính quyền xã xác nhận nhưng có trưởng ấp N là ông Trần Văn L xác nhận và có các hộ dân lân cận phần đất chuyển nhượng chứng kiến như ông Quách Nguyễn C, ông Quách Văn N, bà Đặng Thị B. Sau khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng bà cất một quán lá bán cà phê trên phần đất nhận chuyển nhượng (quán cà phê này nằm cặp bên hông cầu kênh X). Phần diện tích còn lại chạy dọc theo kinh xáng X vợ chồng bà để trống. Lúc đó ông Nguyễn Đông H sống chung với cha mẹ, ông H có cất mái che ra phần đất trống mà vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của bà L, ông R nhưng vợ chồng bà không có ý kiến gì vì nghĩ là chỗ anh em với nhau, hơn nữa ông H đang thờ phụng cha mẹ. Tuy nhiên ngày qua ngày ông H cứ xây dựng nới rộng mái che và căn nhà của ông H ra phần đất mà vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà L. Vào năm 2013 và năm 2016 vợ chồng bà có khởi kiện yêu cầu ông H trả lại phần đất này cho vợ chồng bà, cả hai lần đều được chính quyền địa phương giải quyết, kết quả giải quyết năm 2013 thì ông H không đồng ý trả lại phần đất tranh chấp cho vợ chồng bà, kết quả giải quyết năm 2016 thì ông H đồng ý trả nhưng sau khi hòa giải thì ông H thay đổi ý kiến không giao đất cho vợ chồng bà. Do phần đất này vợ chồng bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vẫn do ông Võ Văn R đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vợ chồng bà yêu cầu bà Đoàn Thị L tách quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà (vì ông R đã chết vào năm 2011), nhưng khi cơ quan chuyên môn xuống đo đạc phần đất mà vợ chồng bà L chuyển nhượng cho vợ chồng bà thì ông H đứng ra ngăn cản nên giữa bà L và ông H phát

sinh tranh chấp. Vợ chồng bà không yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này, nếu Tòa án giải quyết ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng bà thì vợ chồng bà sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ17 trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà Đoàn Thị L với ông Nguyễn Đông H có nguồn gốc là của cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị S (Đặng Thị B) nhận chuyển nhượng lại của người khác vào khoảng trước năm 1990, do lâu quá ông không nhớ tên người đã chuyển nhượng đất cho cha mẹ ông, diện tích khi chuyển nhượng khoảng 1,5 công tầm cấy. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L vì phần đất này cha mẹ ông để lại cho em ông là ông H sử dụng từ trước năm 1990 cho đến nay.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ18 là ông Phan Thanh D trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà Đoàn Thị L và ông Nguyễn Đông H qua đo đạc thực tế có diện tích là 87,7m^2 tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính xã L lập năm 1993 thì phần đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 27, tờ bản đồ số 22 do ông Võ Văn R là chồng của bà Đoàn Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên hồ sơ địa chính xã L lập năm 2009 thì phần đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 45, tờ bản đồ số 36 do hộ ông H và NLQ1 đứng tên trên sổ địa chính và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông R là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Phần đất tranh chấp cũng không nằm trong quy hoạch chợ hoặc lộ giới, nếu Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp thuộc về ai thì người đó có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. NLQ18 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Từ nội dung trên, tại bản án số 01/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Các Điều 2; 6; 7, 7a; 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm của bà Đoàn Thị L đối với ông Nguyễn Đông H.

Buộc ông Nguyễn Đông H, NLQ1 và NLQ2 giao trả cho bà Đoàn Thị L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 phần đất diện tích 87,7m^2 tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu có tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp kênh X có cạnh dài 8,80m;

- Hướng Tây giáp phần đất không tranh chấp của ông Nguyễn Đông H có cạnh dài 8,80m;

- Hướng Nam giáp phần đất của NLQ3, NLQ4 đang sử dụng có cạnh dài 10,0m;

- Hướng Bắc giáp phần đất của NLQ3, NLQ4 đang sử dụng có cạnh dài 10,0m.

Theo mảnh trích đo địa chính số 01-2017 và phụ chú kèm theo mảnh trích đo của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H thì phần đất diện tích 87,7m^2 nêu trên trên hồ sơ địa chính xã L lập năm 1993 nằm trong thửa số 27, tờ bản đồ số 22 do ông Võ Văn R đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên hồ sơ địa chính xã L lập năm 2009 nằm trong thửa số 45, tờ bản đồ số 36 do hộ ông Nguyễn Đông H và NLQ1 đứng tên trên sổ địa chính và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

Buộc ông Nguyễn Đông H, NLQ1 và NLQ2 phải tháo dỡ, di dời căn nhà cây gỗ địa phương, mái thiết, vách thiết dài 8,3m, ngang 5m và bàn thờ ông thiên xây xi măng cao 01m có trên phần đất buộc giao trả nêu trên cho bà Đoàn Thị L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14. Việc tháo dỡ, di dời được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Đoàn Thị L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ15, NLQ16, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ13, NLQ14 cùng có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Đông H, NLQ1 và NLQ2 giá trị 01 nền xi-măng dài 8,3m ngang 5m (nền nhà của ông H, NLQ1); 01 sân xi-măng ngang 4,7m dài 8,8m; 01 cây sộp; bờ kè dài 8,8m có trên phần đất buộc giao trả nêu trên tổng số tiền 29.813.000 đồng (*Phần trách nhiệm hoàn trả của NLQ14 cho ông Nguyễn Đông H, NLQ1 và NLQ2 do NLQ13 là người đại diện theo pháp luật của NLQ14 chịu thay*). Việc hoàn trả được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên chi phí thẩm định, định giá, án phí, Luật thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 9 tháng 02 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu ra quyết định kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị sửa một phần bản án số 01/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu với nội dung:

Bản án không tuyên buộc ông Nguyễn Đông H, NLQ1, NLQ2 phải giao các công trình kiến trúc trên đất gồm 02 nền xi măng, 01 bờ kè và 01 cây sộp cho bà Đoàn Thị L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 quản lý, sử dụng trong khi đó lại buộc bà L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 phải hoàn trả giá trị các công trình trên gắn liền với diện tích đất, khi tuyên buộc bồi thường thì phải tuyên buộc giao trả. Do đó cần phải tuyên buộc giao các tài sản như đã phân tích.

Bản án tuyên buộc bà L phải nộp án phí có giá ngạch đối với phần bà L hoàn trả giá trị tài sản gắn liền với đất mà bà L được nhận trên phần đất mà ông H lấn chiếm có giá trị 29.813.000 đồng với số tiền án phí 1.242.000 đồng là không có căn cứ. Trong trường hợp này bà L chỉ khởi kiện yêu cầu ông H trả lại diện tích đất 87,7m^2 bị lấn chiếm nên không xác định giá trị tài sản gắn liền với đất theo yêu cầu của bà L và đã được Tòa án chấp nhận toàn bộ. Còn việc Tòa án tuyên buộc bà L hoàn trả giá trị công trình trên đất với số tiền 29.813.000 đồng thì đây không phải là giá trị của tài sản tranh chấp nên không buộc bà L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền hoàn trả giá trị này.

Theo hồ sơ thể hiện ngày 11 tháng 12 năm 2017 NLQ5 có làm đơn xin miễn án phí với lý do là người cao tuổi. Nhưng khi nhận đơn Tòa án không tiến hành lập biên bản giao nộp tài liệu chứng cứ để xác định đơn yêu cầu trên là hợp pháp và được xem là tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn để miễn án phí cho NLQ5 là không có căn cứ. Mặt khác trong vụ án này NLQ5 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng Tòa án lại tuyên miễn nộp án phí là không phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị L buộc ông Nguyễn Đông H, NLQ1, NLQ2 giao trả phần đất tranh chấp diện tích 87,7m^2 tại thửa 27, tờ bản đồ 22 tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu do ông Võ Văn R đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 và buộc ông H, NLQ1, NLQ2 tháo dỡ di dời căn nhà cây gỗ địa phương, mái thiếc, vách thiếc và bàn thờ ông thiên trên đất, đồng thời nhận định nếu ông H, NLQ1, NLQ2 tháo dỡ di dời 01 nền xi măng, 01 bờ kè, 01 sân xi măng,

01 cây sộp thì sẽ gây thiệt hại các tài sản này do đó buộc bà L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 cùng có trách nhiệm trả lại giá trị cho ông H, NLQ1, NLQ2 số tiền 29.813.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại không tuyên buộc ông H, NLQ1, NLQ2 phải giao các công trình kiến trúc trên đất gồm 01 nền xi măng, 01 bờ kè, 01 sân xi măng, 01 cây sộp cho bà L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 quản lý, sử dụng là thiếu sót nên cấp phúc thẩm cần sửa phần này của án sơ thẩm.

[3] Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Trong vụ án này bà L khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, không xem xét giá trị nhưng cấp sơ thẩm lại buộc bà L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 phải chịu án phí có giá ngạch là 1.242.000 đồng là chưa phù hợp. Bởi lẽ, căn cứ khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án quy định: "*Trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản của ai và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch*". Việc bà L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 cùng có trách nhiệm trả lại giá trị cho ông H, NLQ1, NLQ2 số tiền 29.813.000 đồng thì số tiền này không phải là giá trị phần đất tranh chấp. Hơn nữa, yêu cầu đòi đất của bà L được Tòa án chấp nhận nên bà L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Do đó, cấp phúc thẩm sửa phần này của án sơ thẩm.

[4] Căn cứ khoản 2 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định khi đương sự nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án phải được lập biên bản. Tuy nhiên, khi NLQ5 nộp đơn xin miễn án phí với lý do người cao tuổi thì Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành lập biên bản nhận đơn là có sai sót. Bên cạnh đó, như đã nhận định thì NLQ5 cùng với bà L, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định NLQ5 thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên NLQ5 không phải chịu án phí là chưa phù hợp. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm phần này

[5] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 100, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai. Các Điều 2; 6; 7, 7a; 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm của bà Đoàn Thị L đối với ông Nguyễn Đông H.

Buộc ông Nguyễn Đông H, NLQ1 và NLQ2 giao trả cho bà Đoàn Thị L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 phần đất diện tích 87,7m^2 tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, đất có tứ cạnh và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp kênh X có cạnh dài 8,80m;

- Hướng Tây giáp phần đất không tranh chấp của ông Nguyễn Đông H có cạnh dài 8,80m;

- Hướng Nam giáp phần đất của NLQ3, NLQ4 có cạnh dài 10,0m;

- Hướng Bắc giáp phần đất của NLQ3, NLQ4 có cạnh dài 10,0m.

Theo mảnh trích đo địa chính số 01-2017 và phụ chú kèm theo mảnh trích đo của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H thì phần đất diện tích 87,7m^2 nêu trên trên hồ sơ địa chính xã L lập năm 1993 nằm trong thửa số 27, tờ bản đồ số 22 do ông Võ Văn R đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên hồ sơ địa chính xã L lập năm 2009 nằm trong thửa số 45, tờ bản đồ số 36 do hộ ông Nguyễn Đông H và NLQ1 đứng tên trên sổ địa chính và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

2. Buộc ông Nguyễn Đông H, NLQ1 và NLQ2 phải tháo dỡ, di dời căn nhà cây gỗ địa phương, mái thiết, vách thiết ngang 8,3m, dài 5m và bàn thờ ông thiên xây xi măng cao 01m có trên phần đất buộc giao trả nêu trên cho bà Đoàn Thị L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14. Việc tháo dỡ, di dời được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Buộc bà Đoàn Thị L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 cùng có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Đông H, NLQ1 và NLQ2 giá trị 01 nền xi-măng ngang 8,3m dài 5m (nền nhà của anh H, NLQ1); 01 sân xi-măng ngang 4,7m dài 8,8m; 01 cây sộp; bờ kè

dài 8,8m có trên phần đất buộc giao trả nêu trên tổng số tiền 29.813.000 đồng (*Phần trách nhiệm hoàn trả của NLQ14 cho ông Nguyễn Đông H, NLQ1 và NLQ2 do NLQ13 là người đại diện theo pháp luật của NLQ14 chịu thay*). Việc hoàn trả được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Buộc ông Nguyễn Đông H, NLQ1, NLQ2 giao các công trình trên đất gồm 01 nền xi-măng ngang 8,3m dài 5m (nền nhà của ông H, NLQ1); 01 sân xi-măng ngang 4,7m dài 8,8m; 01 cây sộp; bờ kè dài 8,8m có trên phần đất buộc giao trả nêu trên cho bà Đoàn Thị L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 quản lý, sử dụng.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 870.000 đồng ông Nguyễn Đông H, NLQ1 và NLQ2 cùng phải chịu. Bà Đoàn Thị L đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng, đã chi hết 870.000 đồng nên bà L được hoàn lại 230.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện H. Buộc ông Nguyễn Đông H, NLQ1 và NLQ2 cùng có trách nhiệm hoàn lại 870.000 đồng cho bà Đoàn Thị L tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

6. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Đông H, NLQ1 và NLQ2 cùng có trách nhiệm nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Đoàn Thị L, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ15, NLQ16, NLQ13, NLQ14 không phải nộp án phí. Bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005258 ngày 15 tháng 02 năm 2017 được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

7. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa chịu trả các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TANDCC tại TP. HCM ;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu ;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

TRƯƠNG THANH DŨNG